

CÁCH TÍNH CÁC CHỈ SỐ

Chỉ số 1: Tỷ lệ bệnh nhân mới đăng ký điều trị trong 6 tháng qua được làm xét nghiệm CD4 lần đầu trong vòng 15 ngày

- **Mẫu số:** Các BN thỏa các điều kiện sau:
 - Có ngày đăng ký trong giai đoạn đánh giá (ARV + chưa ARV).
 - Không phải BN chuyển tới
 - Ngày đăng ký trước ngày cuối giai đoạn đánh giá/ngày thu thập dữ liệu ít nhất 15 ngày
- **Tử số:** Bệnh nhân trong mẫu số có kết quả CD4 tại phòng khám trong vòng 15 ngày sau ngày đăng ký hoặc kết quả CD4 trước khi đăng ký không quá 6 tháng

Chỉ số 2: Tỷ lệ bệnh nhân chưa điều trị ARV đến tái khám định kỳ

- **Mẫu số:** Chọn các BN thỏa 2 điều kiện:
 - Chưa điều trị ARV tính tới cuối giai đoạn đánh giá
 - Có ít nhất 1 ngày khám trong giai đoạn đánh giá.
- **Tử số:** Những bệnh nhân trong mẫu số có ngày khám cuối trong vòng 90 ngày cuối của giai đoạn đánh giá

Chỉ số 3: Tỷ lệ bệnh nhân mới đăng ký tại PKNT đủ tiêu chuẩn dự phòng INH (IPT) được kê đơn dự phòng trong vòng 6 tháng qua

- **Mẫu số:** Các BN thỏa các điều kiện sau:
 - Bệnh nhân mới đăng ký tại PK trong giai đoạn đánh giá (ARV + chưa ARV).
 - Không phải BN chuyển tới.
 - BN tự đến khám trong lần khám cuối.
 - Đủ điều kiện điều trị INH trong lần khám cuối cùng: không mắc lao (sàng lọc 4 triệu chứng âm tính), XN men gan lần gần nhất (2 lần gần nhất trong vòng đánh giá) < 5 lần trị số bình thường, không có RLTK ngoại biên, không có vàng da / vàng mắt.
- **Tử số:** BN có trong mẫu số được kê đơn INH trong lần khám cuối cùng.

CÁCH TÍNH CÁC CHỈ SỐ

Chỉ số 4: Tỷ lệ bệnh nhân đang điều trị ARV đến tái khám đúng hẹn trong lần khám gần nhất

- **Mẫu số:** Tổng số bệnh nhân đang điều trị ARV, có tái khám trong vòng 6 tháng qua
 - Có ngày điều trị ARV
 - Ngày khám $\geq$ (ngày cuối giai đoạn đánh giá/ngày thu thập dữ liệu – 180 ngày)
 - Không tính BN tử vong hoặc chuyển đi trong giai đoạn đánh giá
- **Tử số:** Số bệnh nhân trong mẫu số có ngày khám không trễ quá 1 ngày
 - Ngayhenke > ngày cuối của giai đoạn đánh giá hoặc ngày thu thập số liệu tùy đk nào đến trước

Chỉ số 5: Tỷ lệ bệnh nhân được đánh giá tuân thủ điều trị ARV trong lần khám gần nhất

- **Mẫu số:** Tổng số bệnh nhân đang điều trị ARV, có tái khám trong vòng 6 tháng qua
 - Có ngày điều trị ARV
 - Ngày khám $\geq$ (ngày cuối giai đoạn đánh giá/ngày thu thập dữ liệu – 180 ngày)
 - Không tính BN có người nhà lãnh thuốc dùm
- **Tử số:** Những BN có trong mẫu số được đánh giá tuân thủ trong lần khám cuối cùng

Chỉ số 6. Tỷ lệ BN điều trị ARV được bắt đầu điều trị ARV trong vòng 15 ngày

- **Mẫu số:** Tổng số BN bắt đầu điều trị ARV tại PKNT trong 6 tháng qua
 - Có ngày điều trị ARV trong giai đoạn đánh giá.
 - Không tính BN đang điều trị ARV khi chuyển đến.
- **Tử số:** BN trong mẫu số bắt đầu điều trị ARV trong vòng 15 ngày sau khi đủ Tiêu chuẩn lâm sàng hoặc miễn dịch
 - $[\text{Ngày điều trị ARV}] - [\text{Ngày đủ tiêu chuẩn điều trị}] \leq 15$
 - Ngày đủ tiêu chuẩn điều trị = min (ngày có CD4 < 350, ngày xác định GĐLS 3 hoặc 4)
 - Trong trường hợp BN có XN CD4 trước khi đến ĐK tại PKNT, thời điểm BN được xác định đủ tiêu chuẩn điều trị sẽ tính từ khi BN đến ĐK tại PK, không tính từ ngày làm CD4

Ghi chú: Các tỉnh miền núi có mô hình điều trị ngay ARV bất kể CD4 và GĐLS thì ngày đăng ký được xem là ngày đủ tiêu chuẩn điều trị ARV .

CÁCH TÍNH CÁC CHỈ SỐ

Chỉ số 7: Kết quả CD4 của bệnh nhân lúc bắt đầu điều trị ARV

- **Mẫu số:** Các BN thỏa các điều kiện sau:
 - Có ngày điều trị ARV trong giai đoạn đánh giá
 - Có kết quả CD4 trước khi bắt đầu điều trị
 - Không tính BN đang điều trị ARV khi chuyển đến.
- **Tử số:** Số BN trong mẫu số có kết quả CD4 phân theo các nhóm sau:
 - $CD4 < 100 \text{ tb/mm}^3$
 - CD4 từ 100 đến 249 tb/mm^3
 - CD4 từ 250 đến 350 tb/mm^3

Chỉ số 8: Tỷ lệ bệnh nhân được kê đơn dự phòng CTX hoặc DAPSONE khi đủ tiêu chuẩn trong lần khám gần nhất

- **Mẫu số:** Các BN (bao gồm cả BN đã điều trị ARV và chưa điều trị ARV) thỏa các điều kiện sau:
 - Có ngày khám trong giai đoạn đánh giá
 - Có $CD4 \leq 350$ trong giai đoạn đánh giá HOẶC giai đoạn lâm sàng 3 – 4 trong lần khám cuối.
- **Tử số:** Số BN trong mẫu số được kê đơn CTX/Dapson trong lần khám gần nhất

Chỉ số 9: Tỷ lệ bệnh nhân được sàng lọc Lao trong lần khám gần nhất

- **Mẫu số:** Các BN (bao gồm cả BN đã điều trị ARV và chưa điều trị ARV) thỏa các điều kiện sau:
 - Có ngày khám trong giai đoạn đánh giá
 - BN tự đến lãnh thuốc
 - Không tính BN đang được điều trị lao
- **Tử số:** BN trong mẫu số được sàng lọc lao trong lần khám cuối (có kết quả sàng lọc lao âm tính hoặc dương tính trong phiếu thu thập thông tin).

CÁCH TÍNH CÁC CHỈ SỐ

Chỉ số 10. Tỷ lệ bệnh nhân được làm xét nghiệm CD4 ít nhất 1 lần trong 6 tháng

- **Mẫu số:** Các BN (bao gồm cả BN đã điều trị ARV và chưa điều trị ARV) thỏa các điều kiện sau:
 - Không phải là BN chuyển tới trong giai đoạn đánh giá
 - Tính đến cuối giai đoạn đánh giá BN đã đăng ký vào PK trên 15 ngày
- **Tử số:** Số BN trong mẫu số có ít nhất 1 kết quả CD4 trong vòng 6 tháng tính đến ngày thu thập số liệu hoặc ngày cuối của giai đoạn đánh giá tùy điều kiện nào đến trước.